

-기 나름이다

tất cả tùy vào cách bạn...

Quy kết quả cho cách làm chứ không phải hoàn cảnh. Thêm một mẫu cố định với -기, và là mẫu được ưa dùng trong lời khuyên và động viên.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Mọi động từ	-기 나름이다	생각하다 → 생각하기 나름이에요
Gốc ≡ giữ nguyên ≡	-기 나름이다	만들다 → 만들기 나름이에요
Trường hợp rộng nhất	하기 나름이다	다 하기 나름이에요
Với danh từ	danh từ + 나름이다	사람 나름이에요
Không bao giờ mang thì	chỉ gốc từ nguyên dạng	생각했기 나름이다 là sai
Cách diễn đạt khác	나름대로	theo cách riêng của mình

Khi nào dùng

Gắn -기 나름이다 vào gốc động từ — không có quy tắc nguyên âm, ≡ giữ nguyên, không có thì phía trước. 나름 là danh từ và được viết cách.

Ý khẳng định là kết quả không cố định mà phụ thuộc vào cách bạn làm: 모든 일은 생각하기 나름이에요 — tất cả tùy vào cách bạn nhìn nhận.

Một số gốc từ chiếm phần lớn cách dùng: 생각하다, 하다, 쓰다, 먹다, 마음먹다. Mẫu 하기 나름이다 là rộng nhất trong số đó.

Từ liên quan 나름대로 là một cách nói khác nghĩa là “theo cách riêng của mình”: 나름대로 노력했어요. Cùng danh từ, nhưng là cách diễn đạt riêng.

Ví dụ trong câu

- 1 모든 일은 생각하기 나름이에요.
Tất cả tùy vào cách bạn nhìn nhận.
- 2 성공하느냐 마느냐는 하기 나름입니다.
Thành công hay không là tùy vào cách bạn làm.
- 3 같은 도구라도 쓰기 나름이지요.
Cùng một dụng cụ nhưng tùy vào cách dùng.
- 4 아이는 부모가 가르치기 나름이라고 해요.
Người ta nói con cái lớn lên thế nào là tùy cách cha mẹ dạy.
- 5 재료가 같아도 만들기 나름이에요.
Cùng nguyên liệu nhưng tùy vào cách làm.
- 6 그건 사람 나름이에요.
Cái đó tùy người.

So sánh với

-에 따라
에 따라 nói kết quả thay đổi theo một yếu tố nào đó; -기 나름이다 quy nó cụ thể cho cách bạn hành động.

상황에 따라 달라요. (tùy tình huống) / 하기 나름이에요. (tùy cách bạn làm)

-기 마련이다
Đối lập trực tiếp. 마련이다 nói kết quả là tất yếu; 나름이다 nói nó hoàn toàn tùy vào bạn.

실수하기 마련이에요. (chắc chắn sẽ xảy ra) / 하기 나름이에요. (tùy vào bạn)

나름대로
Một cách diễn đạt riêng nghĩa là “theo cách riêng của mình”, thường để bảo vệ một nỗ lực là thật lòng dù chưa hoàn hảo.

하기 나름이에요. (tùy cách làm) / 나름대로 노력했어요. (tôi đã cố gắng theo cách của mình)

Lưu ý

- X 모든 일은 생각했기 나름이에요.
O 모든 일은 생각하기 나름이에요.
-기 không bao giờ mang thì. Ý khẳng định là về cách làm nói chung, không phải một trường hợp trong quá khứ.
- X 재료가 같아도 만들기나름이에요.
O 재료가 같아도 만들기 나름이에요.
나름 là danh từ và được viết cách.
- X 저는 하기 나름으로 노력했어요.
O 저는 나름대로 노력했어요.
Để nói bạn đã cố gắng theo cách của mình, cách diễn đạt là 나름대로. -기 나름이다 nói rằng kết quả phụ thuộc vào cách làm.